TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/DSST
Ngày: 12/9/2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN KHU VỰC 2– ĐẮK LẮK

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Thành Huế
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phương Khánh Giang
2. Ông Lê Trọng Thảo

Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Tiến Đạt-Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 – Đăk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk: Ông Trần Dương Công – Kiểm sát viên.

Ngày12/9/2025 tại Phòng xử án - Toà án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:69/2025/TLST-DS, ngày 03/4/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐST-DS, ngày 21/8/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Hải Đ, sinh năm 1981**.**
Địa chỉ: Thôn G, xã E, tỉnh Đắk Lắk.
Bị đơn: Bà Ngô Thị Kiều T.
Địa chỉ: Số B H, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Biênbản hòa giải và tại phiên tòa ông Phạm Hải Đ trình bày:

Do có mối quen biết với nhau nên vào ngày 01/12/2020 anh Đ có cho bà Ngô Thị Kiều T vay số tiền là 70.000.000đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền với nhau, lãi suất thỏa thuận 3%/ tháng, thời hạn trả nợ 01 năm. Nhưng kể từ khi vay tiền cho đến nay bà T không trả cho anh Đ, mặc dù anh Đ đã nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T cứ khất và hẹn trả nợ nhiều lần, lần cuối anh Đ yêu cầu bà T trả nợ là vào tháng 3/2025 nhưng bà T cứ hẹn, khất nợ, không trả theo cam kết. Khoản tiền vay này là một mình bà T vay của anh Đ, không liên quan đến chồng, con của bà T.

Anh Đ đã cho bà T khất nợ nhiều lần nhưng bà T không trả cho anh Đ khoản tiền nào cả gốc và lãi. Vì vậy nay anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả số tiền còn nợ là 70.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/12/2020 đến khi trả xong nợ với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải bị đơn bà Ngô Thị Kiều T trình bày:

Bà T thừa nhận có vay tiền của anh Đ số tiền 70.000.000đ, số tiền này một mình cá nhân bà T vay, không liên quan gì đến chồng hay con của bà T. Sau khi vay tiền do làm ăn thua lỗ, bị giựt nợ nên bà T chưa trả được, anh Đ đã nhiều lần yêu cầu bà T trả nợ và cho bà T khất nợ nhiều lần. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn, làm ăn thua lỗ, nợ nhiều vì vậy đến nay bà T vẫn chưa trả được cho anh Đ số tiền đã vay. Nay anh Đ yêu cầu trả số tiền 70.000.000đ còn nợ thì bà T đồng ý trả nợ nhưng xin trả dần mỗi tháng trả từ 5-7 triệu đồng đến khi trả xong nợ. Còn đối với tiền lãi bà T xin anh Đ không tính lãi suất. Nếu anh Đ không đồng ý cho bà T tiền lãi thì bà T xin trả 10 triệu đồng tiền lãi.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các đương sự đã không thống nhất được với nhau về nội dung vụ án. Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đã thống nhất được về số nợ bà Ngô Thị Kiều T còn nợ ông Phạm Hải Đ số tiền 70.000.000đ. Bà T đồng ý trả nợ cho nhưng xin trả dần đến khi trả xong nợ, về tiền lãi bà T xin không tính lãi suất. Nhưng anh Đ không đồng ý để cho bà T trả dần mỗi tháng từ 5-7 triệu và vẫn yêu cầu trả tiền lãi suất theo mức lãi suất Nhà nước quy định. Vì vậy Tòa án lập biên bản hoà giải không thành. Căn cứ Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tốtụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền nghĩa vụcủa mình.

Về việc giải quyết nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Đ. Buộc bà T phải trả cho anh Đ số tiền 70.000.000đồngvà tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xửnhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Phạm Hải Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Ngô Thị Kiều Ttrả số tiền vay, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do bị đơn bà Ngô Thị Kiều T có nơi cư trú tại xã E, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khuvực 2 - Đắk Lắk. Theo quy

định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung Hội đồng xét xử nhận định: Vào ngày 01/12/2020, anhĐ có cho bà Ngô Thị Kiều Tvay số tiền 70.000.000đồng. Khi vay hai bên có lập biên bản vay tiền, về lãi suất thoả thuận lãi suất là3%/ tháng. Thời hạn trả tiền theo hai bên thoả thuận trong hợp đồng là trong vòng 01 năm kể từ ngày vay tiền. Tuy nhiên đến thời hạn trả tiền nhưng bà T vẫn không thanh toán khoản tiền gốc và lãi nàocho anh Đ. Anh Đ đã nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng bà T vẫn cố tình không trả, hẹn nợ nhiều lần.

Quá trình giải quyết vụ án bà T thừa nhận còn nợ anh Đ số tiền 70.000.000đ gốc và tiền lãi suất.Bà Tđồng ý trả nợ cho nhưng xin trả dần đến khi trả xong nợ, về tiền lãi bà T xin không tính lãi suất. Nhưng anh Đ không đồng ý để cho bà Ttrả dần mỗi thángtừ 5-7 triệu và vẫn yêu cầu trả tiền lãi suất theo mức lãi suất Nhà nước quy định. Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi hai bên xác lập quan hệ vay tài sản là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Nay bà T không trả nợ cho anh Đ đúng hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của anh Đ nên anh Đ khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ gốc và lãi suất là có cơ sở cần chấp nhận.

[3] Đối với lãi suất:

Xét thấy, hai bên xác lập hợp đồng vay tài sản là hợp đồng vay có kỳ hạn, có thỏa thuận lãi suất phải trả là 3%/tháng. Tuy nhiên mức lãi suất thỏa thuận giữa các bên vượt mức lãi suất giới hạn quy định. Quá trình giải quyết vụ án các bên không thỏa thuận được về lãi suất, có tranh chấp về tiền lãi suất, quá trình giải quyết vụ án ánvà tại phiên tòa anh Đ yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận và phù hợp với quy định Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do vậy lãi suất được tính như sau:

- Lãi suất được tính từ ngày 01/12/2020 đến ngày 12/9/2025(ngày xét xử) là 57 tháng 11 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng. Do vậy tiền lãi được tính như sau:(70.000.000đồng x 0,83%x 57 tháng11 ngày) = 33.117.000đồng.

Tổng nợ gốc và lãi là 70.000.000đồng +33.117.000đồng=103.117.000đồng

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh Đ được chấp nhận. Nên buộc bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh Đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 357; 463; 466; 468 Bộ luật Dânsự.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Hải Đ. Buộc bà Ngô Thị Kiều T phải trả cho anh Phạm Hải Đ tổng số tiền là 103.117.000đồng (Trong đó tiền gốc 70.000.000đồng, tiền lãi 33.117.000đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất trên số tiền chậm trả cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Bà Ngô Thị Kiều T phải chịu: 5.155.850đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Hoàn trả cho anh Phạm Hải Đ số tiền tạm ứng án phí 1.750.000đồng đã nộp theo biên lai số 0003814 ngày 03/4/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND khu vực 2 - Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ; Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Thành Huế